TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 17-LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 55/2025/DS-ST
Ngày: 08/12/2025
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp phường*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17-LÂM ĐỒNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Thuận.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hoàng Phúc

2. Ông Lưu Trọng Kim

-Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Mai Thảo Chi - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17-Lâm Đồng.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17-Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Tốt – Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 12 năm 2025, tại Hội trường Tòa án nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý: 185/2025/TLST-DS, ngày 02 tháng 6 năm 2025, về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản; tranh chấp phường*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2025/QĐXX-DS, ngày 06 tháng 11 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 93/2025/QĐST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2025, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Tô Kim D, sinh năm: 1985

Nơi cư trú: Số 162/1, đường 160, phường Tăng Nhơn Phú, TP Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà D: Ông Tô Đình V1, sinh năm:1992

Nơi cư trú: Số 404, đường số 7, tổ 5, thôn Nam C 5, xã Đức Linh, tỉnh Lâm Đồng.

- *Bị đơn:*

Bà Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm: 1993 và ông Lê Ngô C, sinh năm: 1985; Cùng nơi cư trú: Số 14, đường số 69, thôn Nam C 5, xã Đức Linh, tỉnh Lâm Đồng.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Ông Nguyễn Hùng C2, sinh năm: 1981

Nơi cư trú: Số 162/1, đường 160, phường Tăng Nhơn Phú, TP Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông C2:

Ông Tô Đình V1, sinh năm: 1992.

Nơi cư trú: Số 404, đường số 7, tổ 5, thôn Nam C 5, xã Đức Linh, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa: Có mặt bà D; người đại diện theo ủy quyền của ông C2 là ông Tô Đình V1; bị đơn vắng mặt lần hai không có lý do.

NỘI D VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/5/2024, biên bản ghi lời khai, biên bản hòa giải có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa, bà Tô Kim D trình bày:

Do quen biết nên vợ chồng bà có cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Hồng V và ông Lê Ngô C vay 02 lần tiền:

Lần 1, vào ngày 21/11/2023 cho vay số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận miệng 1%/tháng, thời hạn vay 05 tháng, bà đã chuyển khoản đủ số tiền vay cho bà V. Khi vay bà V có viết giấy vay và ký tên. Đối với khoản vay này, bà V đã trả được 4.000.000đồng tiền lãi và chưa trả tiền gốc.

Lần 2, vào ngày 26/02/2024 cho vay số tiền 200.000.000đồng, lãi suất vay là 1%/tháng, thời hạn vay 01 năm. Khi vay, bà V có viết giấy vay và bà V ông C cùng ký tên. Để làm tin, bà V có đưa cho bà giữ 02 bản C giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Lê Ngô C. Bà D đã chuyển khoản 04 lần cho bà V tổng số tiền 196.000.000 đồng và còn 4.000.000 đồng là chi phí để bà D làm thủ tục vay vốn tại Ngân hàng để vay lấy tiền cho bà V vay lại.Tuy nhận 196.000.000đồng nhưng bà V và ông C có ký trong giấy vay là 200.000.000đồng, vì bà V nói rằng số tiền 4.000.000 đồng, chi phí để vay Ngân Hàng (phí hồ sơ, bảo hiểm) thì để bà chịu luôn cho. Do đó nhận vay 196.000.000đồng, nhưng giấy vay lại là 200.000.000đồng. Sau khi vay số tiền này thì bà V và ông C chưa trả bất kỳ khoản nợ gốc và chỉ trả 4.000.000đồng tiền lãi.

Số tiền cho vay trên là tài sản chung của bà và ông C2. Vì vậy nay bà yêu cầu bà V và ông C phải trả cho bà số tiền gốc 396.000.000đồng và tiền lãi là 1%/tháng, tính từ ngày vay cho đến nay.

Ngoài ra, bà còn tham gia chơi nhiều chưng"phường"do bà Nguyễn Thị Hồng V làm chủ phường. Vàongày 07/9/2024, bà V nhắn tin qua ứng dụng Zalo chốt số tiền phường còn nợ của bà D là 380.250.000 đồng. Đến ngày 24/9/2024, bà V tiếp tục nhắn tin qua ứng dụng Zalo tính toán số tiền phường sống và phường chết mà bà D tham gia chơi với bà V như sau:

+ Bà D tham gia chơi phường chưng1.500.000 đồng, bà D chơi 02 chưng, mỗi chưng đóng 15 lần. Bà D đã đóng cho bà V là 1.500.000 đồng x 30 = 45.000.000 đồng (phường sống).

+ Bà D tham gia chơi 01 chưng 10.000.000 đồng, đóng 08 lần, tổng số tiền đã đóng 10.000.000 đồng x 8 = 80.000.000 đồng (phường sống).

+ Bà D tham gia chơi ½ chưng phường 15.000.000 đồng (hốt cuối được 19.000.000 đồng/lần đóng), bà D đã hốt phường và phải đóng phường chết còn 03 lần cuốichưa đóng số tiền 9.500.000 đồng x 3 = 28.500.000 đồng (phường chết).

+ Bà D tham gia chơi chưng phường 10.000.000 đồng (hốt cuối được 13.000.000 đồng/lần đóng),bà D đã hốt phường và phải đóng phường chết03, còn lần cuối chưa đóngsố tiền 13.000.000 đồng x 3 = 39.000.000 đồng (phường chết).

+ Bà D tham gia chơi chưng phường 10.000.000 đồng (hốt cuối được 13.000.000 đồng/lần đóng), bà D đã hốt phường và phải đóng phường chết, còn 02 lần cuối chưa đóng 13.000.000 đồng x 2 = 26.000.000 đồng(phường chết).

+ Bà D tham gia chơi chưng phường số tiền 12.000.000 đồng (hốt cuối được 13.000.000 đồng/lần đóng), tham gia chơi 02 chưng, bà D đã hốt phường và phải đóng phường chết, còn 03 lần cuối chưa đóng 13.000.000 đồng x 2 (chứng) x 3(lần) = 78.000.000 đồng (phường chết).

+ Bà D tham gia chơi 01 chưng phường 10.000.000 đồng (hốt cuối được 12.500.000 đồng), bà D đã hốt phường và phải đóng phường chết 01 lần cuối 12.500.000 đồng(phường chết).

+ Bà D tham gia chơi 01 chưng 5.000.000 đồng (hốt cuối được 6.500 đồng/dây), bà D đã hốt phường và phải đóng phường chết 01 lần cuối 6.500.000 đồng (phường chết).

Phường sống: 380.250.000 đồng + 45.000.000 đồng + 80.000.000 đồng = 505.250.000 đồng.

Phường chết: 28.500.000 đồng + 39.000.000 đồng + 26.000.000 đồng + 78.000.000 đồng + 12.500.000 đồng + 6.500.000 đồng = 190.500.000 đồng.

Bà V có cấn trừ tiền phường của 03 người cùng chơi cho bà D tổng số tiền là 49.700.000 đồng.

Số tiền phường mà bà V còn nợ của bà D là:

505.250.000 đồng - 190.500.000 đồng - 49.700.000 = 265.050.000 đồng.

Nay bà yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng V và ông Lê Ngô C phải trả số tiền tiền phường còn nợ là 265.050.000 đồng. Bà không yêu cầu tính lãi đối với tiền nợ phường.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/11/2025 và ngày 10/11/2025, bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng V trình bày:

Bà thừa nhận có vay của bà Tô Kim D 02lần: Ngày 21/11/2023 vay số tiền 200.000.000đồng, bà đã nhận đủ tiền; ngày 26/02/2024 bà và ông C có ký vay số tiền 200.000.000 đồng, tuy nhiên thực tế chỉ nhận 196.000.000 đồng. Để đảm bảo 02 khoản vay trên thì có đưa cho bà D giữ 02 bản C giấy chứng nhận QSDĐ đứng tên ông Lê Ngô C để làm tin. Cả 02 khoản vay đều thỏa thuận lãi suất là 1%/tháng; mục đích của 02 khoản vay đều để lo kinh tế gia đình; tổng lãi bà đã trả cho hai khoản vay là 30.000.000 đồng, số tiền lãi đã đưa bằng hình thức cấn trừ vào tiền phường mà bà D tham gia chơi do bà V làm chủ phường.

Ngoài ra, bà còn nợ tiền phường của bà D là 265.050.000 đồng. Mục đích bà chơi phường để hưởng tiền huê lợi và sử dụng số tiền này lo cho kinh tế gia đình.

Bà và ông Lê Ngô C là vợ chồng hợp pháp. Ông Lê Ngô C có biết việc bà Tô Kim D khởi kiện vợ chồng bà để yêu cầu phải liên đới trả các khoản nợ nêu trên. Tuy nhiên vì ông C bị bệnh nặng (ung thư giai đoạn 3) không thể làm việc được.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bà đồng ý trả:

-Số tiền vay gốc396.000.000 đồng và lãi suất 1%/tháng tính từ thời điểm vay đến khi vụ án được giải quyết xong.

-Số tiền nợ phường 265.050.000 đồng

Đối với bị đơn ông Lê Ngô C: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chưng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn ông Lê Ngô C không

có đơn khởi kiện phản tố, cũng không có ý kiến, tài liệu chưng cứ gì giao nộp cho Tòa án, cũng không tham gia làm việc và tham gia phiên tòa.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Hùng C2, ông Tô Đình V1 trình bày: Toàn bộ số tiền cho bị đơn vay và tiền chơi phường đều là tài sản chung của hai vợ chồng. Vì vậy anh yêu cầu bị đơn phải trả lại tiền cho vợ chồng bà D và ông C2.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17-Lâm Đồng phát biểu ý kiến như sau:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

+ Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự; bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội D vụ án:

+Quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào nội D yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thì đây là vụ án " tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp về dân sự - phường".

- Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự thể hiện:

Xuất phát từ mối quan hệ quen biết nên bà D có cho bà V vay tiền hai lần:

Lần 1: ngày 21/11/2023 vay 200.000.000 đồng, có viết giấy vay tiền bà V ký tên. Thời hạn vay 5 tháng, lãi suất thỏa thuận 1%/tháng.

Lần 2: ngày 26/02/2024 vay 200.000.000 đồng, có viết giấy vay tiền bà V và ông C ký tên. Thời hạn vay 1 năm, lãi suất thỏa thuận 1%/tháng.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà V và ông C trả nợ gốc là 400.000.000đ và lãi suất 1%/tháng tính từ ngày vay đến khi trả hết nợ.

Ngoài ra, bà D còn chơi hụi do bà V làm chủ, sau khi chốt các dây hụi, cần trừ các khoản thì bà V còn nợ bà D 265.050.000 đồng. Nay bà D yêu cầu bà V và ông C trả nợ hụi gốc là 265.050.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

-Tại Biên bản lấy lời khai ngày 04/11/2025 (BL88) ông Tô đình V1 đại diện theo ủy quyền của bà D khai: khoản vay ngày 26/02/2024 bà V chỉ nhận 196.000.000đ nhưng viết giấy vay 200.000.000đ là do khi vay bà D có thương lượng rằng bà D phải đi vay ngân hàng, phải tốn chi phí cho nhân viên Ngân Hàng và mua bảo hiểm hết 4.000.000đ, bà V đồng ý trả khoản chi phí này nên chỉ đưa bà V 196.000.000đ.

- Tại phiên tòa, bà D thừa nhận đã nhận tiền lãi 4.000.000đồng và đồng ý khấu trừ vào tiền lãi bà V phải trả.

*/Ý kiến của bị đơn:

Theo biên bản ghi lời khai ngày 03/11/2025 và ngày 10/11/2025 (BL 90-91) bà V khai: bà và ông C là vợ chồng hợp pháp, bà vay tiền của bà D dùng để thanh toán nợ hụi và chi tiêu trong gia đình.

Bà V thừa nhận ngày 21/11/2023 vay 196.000.000đ nhưng viết giấy vay 200 triệu đồng, ngày 26/02/2024 vay 200 triệu đồng. Cả hai khoản vay bà V đều chưa trả nợ gốc, đã trả tiền lãi cho hai khoản vay là 30.000.000 đồng nhưng bà V không cung cấp chứng cứ gì về việc trả lãi, nay bà V thống nhất tính lãi 1%/tháng tính từ ngày vay. Đối với tiền hụi thì bà V thống nhất số tiền hụi còn nợ bà D là 265.050.000đ.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Xét về nội D tranh chấp thì đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản, và tranh chấp nợ hụi theo Điều 26 Bộ luật TTDS.

Theo lời khai và chứng cứ nguyên đơn cung cấp, có sự thống nhất của bị đơn thể hiện: bà V và ông C vay tiền của bà V hai lần: ngày 21/11/2023 vay 196.000.000 đồng, ngày 24/02/2024 vay 200.000.000đồng. Tổng cộng hai khoản vay là 396 triệu đồng. Hai bên thỏa thuận và thống nhất lãi suất là 1%/tháng tính từ ngày vay là phù hợp với quy định nên có căn cứ chấp nhận. Tại phiên tòa, bà D thừa nhận đã nhận 4.000.000đ tiền lãi nên cần khấu trừ vào tiền lãi mà bà V phải trả.

Như vậy, căn cứ Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự, Điều 27 Luật HNGĐ, buộc bà V và ông C phải liên đới trả cho bà D và ông C2 nợ gốc 396.000.000đồng và nợ lãi 1%/tháng tính từ ngày vay, bà V được trừ 4. 000.000đ tiền lãi đã trả.

Về tiền nợ hụi: cả bà D và bà V đều thống nhất số tiền bà V còn nợ là: 265.050.000đồng nên đây là chứng cứ không cần phải chứng minh. Do đó, căn cứ Điều 280, 385 BLDS, Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về về họ, hụi,biêu, phường, Điều 27 Luật HNGĐ buộc bà V và ông C phải trả cho bà D và ông C2 265.050.000đồng nợ hụi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, những lời khai được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của nguyên đơn, bị đơn và Kiểm Sát Viên tại phiên tòa;

[1]Xác định mối quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào nội D đơn khởi kiện đề ngày 12/5/2024 và các tài liệu chứng cứ cũng như lời khai của các đương sự, Tòa án

xác định đây là vụ án: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản; tranh chấp phường" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 471 Bộ Luật dân sự 2015

[2] Về thẩm quyền: Căn cứ Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa XV về việc thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực và điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân, kể từ ngày 01/7/2025, Tòa án nhân dân khu vực có thẩm quyền theo lãnh thổ tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền sơ thẩm vụ việc dân sự quy định tại Điều 35 BLTTDS.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng V và ông Lê Ngô C thường trú tại thôn Nam C 5, xã Đức Linh, tỉnh Lâm Đồng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17, tỉnh Lâm Đồng được quy định tại khoản 1, Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Kể từ ngày Tòa án nhân dân huyện Đức Linh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 17-Lâm Đồng) thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã thực hiện đúng quy định về việc cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng cho đương sự được quy định tại chương X Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng V và ông Lê Ngô C không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Theo quy định của khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn bà V và ông C là đúng pháp luật.

[4] Xét về nội D vụ án:

[4.1] Xét về khoản tiền vay gốc:

Đối với "giấy vay tiền đề ngày 21/11/2023" và "giấy vay tiền đề ngày 26/02/2024" do nguyên đơn cung cấp (bút lục 38, 38A). Nguyên đơn khẳng định chữ ký, chữ viết tại giấy vay tiền là của bà Nguyễn Thị Hồng V và ông Lê Ngô C, đồng thời bà Nguyễn Thị Hồng V cũng thừa nhận có vay của bà Tô Kim D tổng số tiền gốc 396.000.000 đồng, chữ ký và chữ viết tại các giấy vay tiền là của mình và ông Lê Ngô C;lãi suất cho vay của 02 khoản vay đều là 1%/tháng

Đối với tiền phường, bà Nguyễn Thị Hồng V thừa nhận bà Tô Kim D có tham gia chơi phường do bà V làm chủ phường và hiện nay bà V còn nợ bà D số tiền phường là 265.050.000 đồng.

Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là những tình tiết không cần chứng minh.

Căn cứ Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 18, Điều 23 Nghị định số: 19/2019/NĐ – CP ngày 19/02/2019của C phủ về họ, hụi, biêu, phường, thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về số tiền nợ vay gốc và tiền nợ phường tổng là 661.050.000 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4.2] Xét yêu cầu trả tiền lãi: Căn cứ vào "giấy vay tiền đề ngày 21/11/2023" và "giấy vay tiền đề ngày 26/02/2024", hai bên có thỏa thuận lãi suất vay. Căn cứ vào lời khai của các đương sự thì hai bên có thỏa thuận lãi suất cho vay là 1%/tháng. Quá trình vay mượn, nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận sau khi vay bị đơn có trả lãi, chưa trả gốc. Nguyên đơn trình bày bà V đã trả được 4.000.000 đồng tiền lãi; bị đơn bà V trình bày đã trả được 30.000.000 đồng tiền lãi cho cả hai khoản vay tuy nhiên bị đơn không có tài liệu chưng cứ gì chứng minh đối với khoản tiền lãi đã trả. Do đó, không có cơ sở chấp nhận lời khai của bị đơn.

Xét: Nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận lãi suất đối với 02 khoản vay là 1%/tháng tính từ ngày vay của từng khoản vay cho đến ngày 08/12/2025 là phù hợp quy định tại Điều 468 BLDS năm 2015, điểm a khoản 2 Điều 4 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao nên được HĐXX chấp nhận. Cụ thể được tính như sau:

Đối với khoản vay 200.000.000 đồng từ ngày 21/11/2023 đến ngày 08/12/0225 là 02 năm 17 ngày x 1%/tháng x 200.000.000 đồng = 49.133.000 đồng.

Đối với khoản vay 196.000.000 đồng: Từ ngày 26/02/2024 đến ngày 08/12/2025 là 01 năm 09 tháng 12 ngày x 1%/tháng x 1960.000.000 đồng= 41.944.000 đồng.

Tổng tiền lãi của cả hai khoản vay là 91.077.000 đồng - 4.000.000đồng tiền lãi đã trả = 87.077.000đồng

[4.3]Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu nghĩa vụ liên đới:

Nhận thấy,thời điểm vay tiền bà V và ông C là vợ chồng hợp pháp, ông bà hiện tại vẫn còn chung sống cùng nhau và tin tưởng nhau. Căn cứ vào nội D giấy vay tiền cùng với việc bà V thừa nhận ông C có kýgiấy vay tiền đề ngày 26/02/2024, mục đíchcủa các lần vay tiền và chơi phường là để đầu tư phát triển kinh tế gia đình.Căn cứ Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.Hội đồng xét xử xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng bà V ông C, do đó, trách nhiệm với số tiền vay thuộc về cả hai vợ chồng bà V và ông C.

Từ phân tích trên, căn cứ vào Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 18, Điều 23 Nghị định số: 19/2019/NĐ – CP ngày 19/02/2019 của C phủ về họ, hụi, biêu, phường, Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bà Nguyễn Thị Hồng V và ông Lê Ngô C phải liên đới trả cho bà Tô Kim D và ông Nguyễn Hùng C2 số tiền 748.127.000đồng là có căn cứ và đúng pháp luật (trong đó nợ vay và tiền phường là 661.050.000 đồng, nợ lãi của số tiền nợ vay là 87.077.000đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên buộc bà V và ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn là đúng pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Về áp dụng án lệ: Nghiên cứu các bản án lệ do TAND tối cao công bố, không có vụ án nào tương tự như vụ án đang được xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng án lệ mà chỉ căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

[7] Xét ý kiến của Kiểm Sát Viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật.

Phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nội D vụ án.Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm này.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39;Điều 91, 92, 147;khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228;Điều 264; Điều 266, Điều 267; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 288, 463, 465, 466, 468, 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Các Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

- Điều 18, Điều 23 Nghị định số: 19/2019/NĐ – CP ngày 19/02/2019;

- Điểm a khoản 2 Điều 4 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

-Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi bổ sung năm 2014;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

1. Buộc bà Nguyễn Thị Hồng V và ông Lê Ngô C phải liên đớitrả cho bàTô Kim D và ông Nguyễn Hùng C2 tổng số tiền: 748.127.000đồng (trong đó nợ vay gốc 396.000.000đồng, tiền lãi 87.077.000đồng; nợ tiền phường là 265.050.000đồng)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.Về án phí DSST**:**

Bà Nguyễn Thị Hồng V và ông Lê Ngô C phải liên đới chịu 33.925.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng hoặc Phòng thi hành án dân sự khu vực 17 –Lâm Đồng.

Trả lại cho bà Tô Kim D số tiền 16.548.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005485 ngày 02/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh (nay là Phòng thi hành án dân sự số 17-Lâm Đồng).

3.Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn và người liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (08/12/2025); bị đơn có quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yến công khai để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 17

- Thi hành án DS tỉnh Lâm Đồng

- Các đương sự.

-Lưu hồ sơ, quyết định./.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Xuân Thuận